TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Dư

Bà Phan Thị Hồng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm: 1983

Địa chỉ: TH, tổ dân phố LT, phường CL, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Võ A, sinh năm: 1983

Địa chỉ: TH, tổ dân phố LT, phường CL, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L trình bày:* Bà và ông Võ A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2003, đến năm 2005 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường CL, thị xã R (nay là thành phố R) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 ngày 18/7/2005. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian dài đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn tình cảm và không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông A.

- *Về con chung:* Bà và ông A có 02 con chung Võ Anh Q, sinh ngày: 04/8/2005 và Võ Anh N, sinh ngày: 30/12/2012. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháuN, giao cháu Q cho ông A nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung:* Bà và ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không nợ.

* Tại đơn xin cứu xét ngày 21/8/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ A trình bày: Năm 2002, vợ chồng ông cưới nhau và ở chung với mẹ tại nhà của mẹ là TH; năm 2005, vợ chồng ông được UBND phường CL cấp giấy chứng nhận kết hôn, cùng năm mẹ và em đi Mỹ giao lại nhà cho vợ chồng ông quản lý. Trong thời gian sử dụng nhà, ông bà đã tất trách trong việc bảo quản nên đã làm hư hại nhiều vật dụng trong nhà, đáng kể nhất là đã để mối mọt phá hỏng luôn cả vách ngăn của tầng gác gỗ. Trong những lần vợ chồng cãi nhau, và lần nói chuyện trực tiếp sau cùng với mẹ, bà L đã thể hiện sự không tôn trọng và không lễ phép với mẹ. Khoảng giữa tháng 5/2020, trong lúc lời qua tiếng lại, không kiềm chế được sự nóng giận ông đã đuổi vợ đi. Vợ ông đi mang theo con nhỏ đến ở nhà em gái tại số 71 TH, phường CL, thành phố R. Sau đó, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông mong muốn vợ chồng về chung sống lại với nhau nhưng bà L không muốn quay về, không muốn làm lại từ đầu vì không còn thương ông nữa. Do đó, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung đúng như bà L trình bày. Ông đồng ý giao cháu N cho bà L nuôi dưỡng, ông nuôi dưỡng cháu Q và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông không nợ.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn ông A; về con chung: Giao con chung Anh N cho bà L nuôi dưỡng, giao con chung Anh Q cho ông A nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai; về tài sản chung: Bà L và ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Bà L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm "Ly hôn".

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 18/7/2005 (bản sao); Sổ hộ khẩu chủ hộ đứng tên bà Võ Thị Kim U (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà L (bản sao); Giấy khai sinh

Võ Anh Q, Võ Anh N; Giấy nguyện vọng cháu Anh Q, Anh N; Biên bản xác minh ngày 03/7/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ A. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[1.3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Ngày 20/8/2020, nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường CL, thị xã R (nay là thành phố R) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 ngày 18/7/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc thời gian dài sau đó phát sinh mâu thuẫn; do bất đồng quan điểm sống nên bà L và ông A thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau; do đó bà L yêu cầu được ly hôn với ông A, ông A đồng ý. Tại Biên bản xác minh ngày 03/7/2020, chính quyền địa phương cung cấp: "Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Ngọc L và ông Võ A địa phương không nắm được.". Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống nhưng mâu thuẫn của vợ chồng ông A, bà L ngày càng trầm trọng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà L yêu cầu được ly hôn với ông A là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông A có 02 con chung Võ Anh Q, sinh ngày: 04/8/2005 và Võ Anh N, sinh ngày: 30/12/2012. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháuN, giao cháu Q cho ông A nuôi dưỡng. Ông A đồng ý. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu Anh Q có nguyện vọng được sống với bố, cháu AnhN có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao con chung anh N cho bà L nuôi dưỡng, giao con chung Anh Q cho ông A nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L và ông A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[*2.4] Về nợ chung:* Bà L và ông A không nợ.

[3] Về án phí: Bà L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

<u>Tuyên xử:</u> Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc L được ly hôn ông Võ A.

2. Về con chung:

Bà Trần Thị Ngọc L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Võ Anh N, sinh ngày: 30/12/2012.

Ông Võ A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Võ Anh Q, sinh ngày: 04/8/2005

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc L và ông Võ A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc L và ông Võ A không nợ.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000615 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Bà L đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Bà Trần Thị Ngọc L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt bản án hợp lệ. Ông Võ A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường CL, t.p R;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công